TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Huỳnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 755/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp RRC, xã KL, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Dương Quốc T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TT, xã PĐ, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Chị và anh Dương Quốc T1 tự nguyện kết hôn năm 1996 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Dương Quốc T, sinh năm 1997 và Dương Như H, sinh năm 2007. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc dẫn đến mục đích hôn nhân không còn đạt được, mâu thuẫn ngày càng thêm trầm trọng và ly thân hơn 01 năm nay. Do đó, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Về con

chung, cháu T trên 18 tuổi nên không đặt ra yêu cầu xem xét việc nuôi con và chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu H, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có.

- Bị đơn anh Dương Quốc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia hòa giải và phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn năm 1996 và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng giữa chị và anh T1 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống lại được nên chị xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã biết chị T kiện xin ly hôn nhưng không có ý kiến hay phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ chị T trình bày là đúng về điều kiện đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân như chị T trình bày là có cơ sở. Tuy nhiên, chị T với anh T1 tổ chức đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của chị T, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T1 không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung tên Dương Quốc T, sinh năm 1997 và Dương Như H, sinh năm 2007. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Huỳnh và anh T1 không có ý kiến phản bác nên được xem như chấp nhận yêu cầu của chị T đặt ra. Ngoài ra, qua làm việc nguyện vọng của cháu H muốn sống cùng với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử cần giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị T không đặt ra yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu T đã trên 18 tuổi và anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 53; Điều 81; khoản 1, 2 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Dương Quốc T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Như H, sinh ngày 07/11/2007 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3 Án phí hôn nhân gia đình chị T phải chịu 300.000 đồng, chị đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0002911 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên